Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 365 /BC-UBND	*Sóc Trăng, ngày 24 tháng 12 năm 2021*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo tình hình kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Ngày 24/12/2020, UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Kế hoạch số 142/KH-UBND thực hiện cải cách hành chính năm 2021; trong đó, tỉnh xác định rõ 07 nhiệm vụ với 29 phần việc cần thực hiện trong năm liên quan đến cải cách hành chính (CCHC) gồm: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính (TTHC); Cải cách tổ chức bộ máy (TCBM); Cải cách công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử và công tác chỉ đạo điều hành CCHC; đồng thời phân công cụ thể cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện từng nhiệm vụ. Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, 30/30[1] sở ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện CCHC và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, phần việc đã đề ra trong kế hoạch CCHC của tỉnh và của từng đơn vị, đảm bảo tiến độ và đạt hiệu quả.

Hiện nay, tỉnh đã và đang triển khai thực hiện 27/29 phần việc theo Kế hoạch CCHC của tỉnh, đạt tỷ lệ 93,1%. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, một số nhiệm vụ tỉnh chuyển sang năm tiếp theo như: đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công, dịch vụ giáo dục công; tham quan thực tế các mô hình về CCHC.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

Trong năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành 26 văn bản triển khai, chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ liên quan đến CCHC; thành lập Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh; quan tâm đầu tư đầy đủ kinh phí phục vụ các hoạt động CCHC. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2030 và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện theo tiến độ đề ra.

- Về Chỉ số CCHC, Chỉ số đo lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính (Sipas) cấp tỉnh: theo công bố của Bộ Nội vụ ngày 24/6/2021, Chỉ số CCHC tỉnh

[1] Bao gồm: 18/18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp và 11/11 UBND cấp huyện.

năm 2020 đạt tỷ lệ 85,19%, duy trì vị trí xếp hạng thứ 19/63 tỉnh thành phố trên cả nước (tăng 3,16% so với năm 2019). Chỉ số Sipas của tỉnh năm 2020 đạt 88,67%, xếp thứ 14/63 tỉnh, thành phố (giảm 0,11% so với năm 2019). Sau khi có kết quả Chỉ số CCHC, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2165/UBND-TH ngày 24/9/2021 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tăng cường thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh.

- Chỉ số CCHC, Chỉ số Sipas các đơn vị trên địa bàn tỉnh: tỉnh tiếp tục tổ chức đánh giá Chỉ số CCHC, Chỉ số Sipas năm 2020 của các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thông qua hệ thống phần mềm. Ngày 09/3/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định công bố kết quả Chỉ số CCHC và Chỉ số Sipas năm 2020 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 có 20/46 đơn vị xếp loại tốt, 21/46 đơn vị xếp loại khá, 03/46 đơn vị xếp loại trung bình và 02/46 đơn vị xếp loại kém. Đối với Chỉ số Sipas trong tỉnh, có 41/45 đơn vị đạt tỷ lệ hài lòng từ 80% trở lên, trong đó có 04 đơn vị đạt kết quả tuyệt đối với tỷ lệ 100%, bao gồm: Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Trường Bổ túc Văn hóa Pali Trung cấp Nam bộ và UBND thị xã Ngã Năm.

11/11 huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức đánh giá, xếp loại kết quả Chỉ số CCHC đối với 109/109 xã, phường, thị trấn năm 2020.

Năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng năm 2021 và những năm tiếp theo. Tổ chức điều tra xã hội học xác định Chỉ số Sipas năm 2021 theo Phương án ban hành kèm theo Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công tác khảo sát đã hoàn thành trong tháng 11/2021. Hiện nay bộ phận chuyên môn đang xử lý kết quả, UBND tỉnh dự kiến công bố Chỉ số Sipas năm 2021 vào tháng 2/2022.

Ngoài ra, thực hiện Công văn số 3704/VPCP-KSTT ngày 03/6/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc Báo cáo số 334/BC-MTTQ-BTT của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh ban hành Chương trình về "Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, thực hiện đo lường Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025".

- Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI): Theo công bố của Trung tâm nghiên cứu và phát triển cộng đồng, Trung tâm bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Chương trình phát triển Liên hiệp quốc tại Việt Nam tại website http://papi.org.vn/ ngày 14/4/2021, kết quả chỉ số PAPI năm 2020 của tỉnh Sóc Trăng đạt 39,48 điểm, xếp hạng 61/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, giảm 20 bậc so với năm 2019.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 02/7/2021 về cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI năm 2021. Trong đó, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các giải pháp phù hợp để cải thiện Chỉ số PAPI. Ngày 01/8/2021, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 1561/SNV-CCHC triển khai thực hiện kế hoạch trên.

Ngoài ra, tỉnh đã tổ chức Hội nghị công bố kết quả Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban ngành - DDCI Sóc Trăng năm 2020; Họp mặt doanh nghiệp với chủ đề "Hỗ trợ doanh nghiệp dưới tác động của dịch bệnh Covid-19", thành lập "Tổ công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp" để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; xây dựng Phần mềm cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.

3. Về kiểm tra CCHC

Để đánh giá việc thực hiện công tác CCHC tại các sở ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2021 về kiểm tra công tác CCHC năm 2021. Đến nay, Đoàn Kiểm tra đã tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại 10[2] sở, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh, hoàn thành 100% theo kế hoạch đề ra.

Ngoài ra, Đoàn Kiểm tra công vụ tỉnh đã tổ chức kiểm tra tại 01 đơn vị cấp xã[3]. Triển khai Kế hoạch kiểm tra, đánh giá năng lực đối với 05 chức danh công chức cấp xã (trừ chức danh Trưởng công an và Chỉ huy trưởng Quân sự) và kỹ năng tin học đối với lãnh đạo UBND cấp xã năm 2021.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Năm 2021, tỉnh thực hiện tuyên truyền CCHC theo Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 26/01/2021 với 13 nội dung chính. Tính đến thời điểm báo cáo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã thực hiện 22 chuyên mục, chuyên đề phát thanh và truyền hình về CCHC, qua đó, các chương trình thời sự phát thanh và truyền hình tiếng Việt, tiếng Khmer của Đài đã sử dụng gần 300 lượt tin bài về CCHC, hoạt động công vụ. Báo Sóc Trăng đã đăng trên 100 tin, bài phản ánh các vấn đề liên quan đến công tác CCHC trên địa bàn tỉnh qua 02 dạng báo in và báo điện tử. Ngoài ra, Đài Truyền thanh cấp huyện định kỳ phát sóng nhiều trang tin về CCHC.

Tỉnh ưu tiên tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động tuyên truyền CCHC, tăng cường tuyên truyền nhiều nội dung, thông tin hoạt động CCHC trên Chuyên trang CCHC của tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của các sở ngành và UBND cấp huyện, kênh zalo tuyên truyền CCHC[4], tổ chức Hội thi trực tuyến CCHC năm 2021 tại địa chỉ

---

[2] Các Sở: Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và PTNT, Thanh tra tỉnh; UBND các huyện Mỹ Tú, Trần Đề, Thạnh Trị, thị xã Ngã Năm và thành phố Sóc Trăng.

[3] UBND Phường 2, thành phố Sóc Trăng.

[4] Tích hợp vào Kênh zalo Công thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng.

https://hoithitructuyencchc.soctrang.gov.vn[5]. Việc đưa công nghệ thông tin vào thực hiện tuyên truyền CCHC đã giúp cho cán bộ, công chức, viên chức tiếp cận nhanh và hiệu quả hơn các thông tin CCHC. Chỉ tính riêng phần thi trực tuyến CCHC (15/9/2021 - 30/10/2021), Hội thi đã nhận được hơn 60 video tuyên truyền CCHC và 81.774 lượt dự thi phần thi kiến thức.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Về cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Tỉnh đã công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Sóc Trăng năm 2020[6], báo cáo kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2020[7] và ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 15/01/2021 kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021, Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 24/5/2021 rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

UBND tỉnh đã thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 43 văn bản; trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 05 Nghị quyết quy phạm pháp luật và ban hành 44 Quyết định quy phạm pháp luật; thực hiện tự kiểm tra 44/44 Quyết định; kiểm tra theo thẩm quyền 88 văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện. Qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu chưa phù hợp pháp luật.

UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị[8] nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, triển khai Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 25/3/2021 thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị.

1.2. Thực hiện theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 21/01/2021 về theo dõi thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2021 thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2021 và 02 văn bản triển

---

[5] Thời gian tổ chức từ ngày 15/9/2021 đến ngày 30/10/2021.

[6] Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 15/01/2021. Trong đó bao gồm:11 văn bản (gồm 06 Nghị quyết; 05 Quyết định) hết hiệu lực một phần; 26 văn bản (gồm 06 Nghị quyết; 20 Quyết định) hết hiệu lực toàn bộ.

[7] Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 03/02/2021.

[8] Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 08/02/2021.

khai[9]. Kết quả các Đoàn kiểm tra đã tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả đúng quy định, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

Tỉnh tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng cho 1.450 đại biểu là đại diện Lãnh đạo UBND cấp huyện và các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, các cơ quan địa phương đóng trên địa bàn huyện; cấp xã gồm đại diện Lãnh đạo UBND cấp xã và các công chức chuyên môn có liên quan đến công tác tham mưu, xử lý vi phạm hành chính; tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ theo dõi thi hành pháp luật cho hơn 250 đại biểu tại tại các sở ngành cấp tỉnh, Lãnh đạo Văn phòng, Phòng Tư pháp và công chức tham mưu cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

Bên cạnh đó, tỉnh thường xuyên thực hiện thu thập thông tin về theo dõi thi hành pháp luật, tiếp tục vận hành chuyên mục "*Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật*" trên Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp và trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh. Kết quả, tỉnh đã nhận được 02 lượt câu hỏi và đã trả lời cho người dân theo đúng quy định.

2. Cải cách TTHC

2.1. Về kiểm soát, rà soát TTHC

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC, Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2021, Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh, ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2021; đôn đốc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia và các Quyết định phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan[10] và tham gia góp ý phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đồng thời, tăng cường thực hiện cải cách TTHC, đổi mới thực hiện cơ chế một cửa và xây dựng Chính phủ điện tử; tiếp tục đẩy mạnh triển khai và tổ chức thực hiện hiệu quả cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trong năm 2021 theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông; tích

---

[9] Công văn số 181/UBND-NC ngày 02/02/2021 của chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng và Công văn số 231/UBND-NC ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc đôn đốc triển khai thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

[10] Triển khai phương án của các Bộ: Y tế, Xây dựng và Thông tin và Truyền thông.

hợp, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện TTHC đất đai, tạo lập tài khoản công dân theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ; tích hợp dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để đổi Giấy phép lái xe trực tuyến mức độ 4 theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải; đôn đốc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và xử lý kịp thời các hồ sơ phát sinh trực tuyến hỗ trợ đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trên cơ sở các Quyết định công bố TTHC được chuẩn hóa của các Bộ, ngành trung ương, UBND tỉnh đã ban hành 113 Quyết định công bố đối với 1.076 TTHC, trong đó: công bố mới 536 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 18 thủ tục; bãi bỏ, thay thế 522 thủ tục; thực hiện cập nhật và "chuẩn hóa" dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và ban hành 57 văn bản gửi các cơ quan có liên quan để niêm yết công khai và đăng tải trên Trang thông tin điện tử. Tính đến thời điểm hiện nay, tổng số TTHC trên địa bàn tỉnh đã được công bố, công khai còn hiệu lực thi hành là 1.841 thủ tục, trong đó: thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành tỉnh 1.435 thủ tục; áp dụng tại cấp huyện 270 thủ tục và áp dụng tại cấp xã 136 thủ tục.

UBND tỉnh triển khai công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2021 đối với 10 TTHC thuộc 07 nhóm quy định TTHC[11] và có kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý; tổng chi phí tiết kiệm được 127.895.139 đồng/năm, tỷ lệ cắt giảm chi phí đạt 34,86%, đạt 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 được kiến nghị xử lý và xây dựng phương án đơn giản hóa trình UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Báo cáo[12] tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC và 07 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC của các Sở: Công Thương, Giao thông vận tải, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Xây dựng và đề nghị các Bộ, ngành có liên quan xem xét, xử lý kết quả rà soát sớm hơn thời gian theo Kế hoạch đề ra.

Công tác niêm yết, công khai TTHC được quan tâm thực hiện. Các TTHC do Chủ tịch UBND tỉnh công bố đều được đăng tải kịp thời, đầy đủ trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ www.soctrang.gov.vn. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đều bố trí bảng niêm yết, công khai TTHC; đồng thời đăng tải TTHC trên Trang Thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương và các hình thức công khai khác.

Toàn tỉnh thực hiện niêm yết thống nhất thông tin địa chỉ tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về quy định hành chính[13] tại Bảng niêm yết TTHC, xây dựng, tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Trang thông tin điện tử, Chuyên trang CCHC của

---

[11] TTHC thuộc các lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước, Đường bộ, Trọng tài thương mại, Thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, Du lịch, Thú y và Quản lý hoạt động xây dựng.
[12] Báo cáo số 235/BC-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh.
[13] Thông báo số 54/TB-VPUBND ngày 07/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh.

tỉnh cũng như Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, tỉnh chấp thuận thay đổi tài khoản tiếp nhận phản ánh, kiến nghị cho các đơn vị[14] và chỉ đạo các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện nghiêm túc việc quản lý, sử dụng tài khoản đăng nhập Hệ thống phản ánh, kiến nghị (Hệ thống) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để kịp thời tiếp nhận, xử lý và công khai nội dung trả lời phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

Trong năm, toàn tỉnh đã tiếp nhận trực tiếp 55 phản ánh, kiến nghị (trong đó: 54 phản ánh, kiến nghị gửi trên Hệ thống; 01 phản ánh gửi qua hộp thư điện tử) liên quan đến các nội dung về trật tự an ninh xã hội, tư pháp, bảo hiểm y tế, dịch vụ cung cấp điện sinh hoạt, vấn đề giải quyết hồ sơ và thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, cấp căn cước công dân ... Kết quả đã hoàn thành việc trả lời 51 phản ánh, kiến nghị (trong đó: đăng tải công khai nội dung trả lời 50 phản ánh, kiến nghị của cá nhân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; văn bản trả lời cá nhân đối với 01 phản ánh, kiến nghị[15] gửi qua hộp thư điện tử); còn lại 04 phản ánh, kiến nghị đang xử lý theo quy định.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa (trừ một số TTHC thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP). Trong tỉnh có 93 TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp, trong đó có 56 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, 37 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền trong các lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh, lý lịch tư pháp, tài nguyên và môi trường, đăng ký đầu tư, đất đai... và liên thông tại 109 xã, phường, thị trấn đối với 03 nhóm TTHC: "Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi", "Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi" và "Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí".

Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, UBND tỉnh ban hành: 32 Quyết định phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết đối với 329 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của các sở, ngành tỉnh, Bảo hiểm xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giải quyết TTHC "Thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo cơ chế một cửa liên thông cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp; Quyết định ủy quyền Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh; đôn đốc các cơ quan có liên quan thực hiện đồng bộ dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc

---

[14] Thay đổi tài khoản tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Châu Thành, Trần Đề.

[15] Công văn số 1985/STNMT-VPĐK ngày 04/8/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

gia; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; cung cấp thông tin TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, TTHC đồng bộ kết quả xử lý hồ sơ, thông tin doanh nghiệp thực hiện TTHC, số lượt người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện TTHC năm 2020, Báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục thủ tục hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, UBND tỉnh đã đề xuất, kiến nghị Bộ Tư pháp xem xét, phối hợp thực hiện công tác cải cách TTHC trong quá trình thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các cơ quan có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường thực hiện công tác cải cách TTHC tại đơn vị, tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cấp Cổng Dịch vụ công của tỉnh, quan tâm cải tạo trụ sở Bộ phận một cửa, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và cử công chức tham gia các lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác phối hợp với các cơ quan Trung ương[16] được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp.

Đẩy mạnh thực hiện công tác thí điểm chuyển giao các dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh, hiện nay đã thực hiện thí điểm chuyển giao cho Bưu điện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC đối với 08/18 sở, ngành tỉnh[17] có TTHC tiếp nhận tại Trung tâm và mở rộng thí điểm thực hiện tại một số đơn vị cấp huyện, cấp xã trên địa bàn, thông qua đó, đánh giá hiệu quả thực hiện để xem xét mở rộng tại các đơn vị khác. Bên cạnh đó, chấp thuận cho Bưu điện tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ có liên quan trong Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh và phê duyệt Danh mục 40 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

Toàn tỉnh thực hiện nghiêm túc công tác chấm điểm, tổng hợp kết quả, đánh giá giải quyết TTHC định kỳ hằng quý của các đơn vị có TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (trong đó, 20/20 đơn vị cấp tỉnh, 11/11 đơn vị cấp huyện và 108/109 đơn vị cấp xã xếp loại đánh giá tốt trở lên, đạt tỷ lệ trên 99%) và thực hiện công khai kết quả phân loại giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

---

[16] Bao gồm: Công an, Bảo hiểm xã hội và Quân sự.

[17] Thí điểm chuyển giao cho Bưu điện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại các sở: Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính, Công Thương và Giao thông vận tải.

2.3. Kết quả giải quyết TTHC

Trong năm, toàn tỉnh đã tiếp nhận 769.847 hồ sơ (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến), trong đó: số mới tiếp nhận trong kỳ: 766.290 hồ sơ (số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 22.720 hồ sơ và số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 743.570 hồ sơ); số từ kỳ trước chuyển qua: 3.557 hồ sơ.

Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến):

- Số hồ sơ đã giải quyết: 767.862 hồ sơ, trong đó, giải quyết trước hạn và đúng hạn: 766.942 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,88%; quá hạn: 920 hồ sơ (865 hồ sơ quá hạn do chậm xử lý trên phần mềm một cửa điện tử nhưng thực tế trả đúng hạn, 55 hồ sơ trễ hạn thực tế đã thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi người dân bằng văn bản).

- Số hồ sơ đang giải quyết: 1.985 hồ sơ, trong đó, giải quyết trong hạn: 1.975 hồ sơ, quá hạn: 10 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy HCNN

Toàn tỉnh có 18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 01 ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh[18], 146 tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập và 596 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh[19].

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, UBND tỉnh đã xây dựng và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua Phương án xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và Phương án bố trí số lượng cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. UBND đã ban hành Quyết định sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 17/18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh[20]; tổ chức lại 18/18 đơn vị thuộc, trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và quy định số lượng cấp phó 15/18 đơn vị thuộc, trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh[21], dự kiến đến cuối năm sẽ hoàn thành 100%. UBND cấp huyện đã ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, quy định số lượng cấp phó của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; UBND thành phố Sóc Trăng đã thực hiện sáp nhập Phòng Dân tộc và tổ chức lại Phòng Y tế vào Văn phòng HĐND và UBND thành phố, UBND huyện Cù Lao Dung đã tổ chức lại Phòng Y tế vào Văn phòng HĐND và UBND huyện. Ngoài ra, thực hiện Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng,

---

[18] Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng

[19] Trong đó có 06 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, 100 đơn vị sự nghiệp thuộc sở ngành và tương đương, 488 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện.

[20] Còn lại Văn phòng UBND tỉnh đang hoàn thiện dự thảo.

[21] Còn lại Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đang hoàn thiện dự thảo.

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

Quyết định thành lập Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp Sóc Trăng trực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng; Quyết định thành lập, kiện toàn 29 Ban Chỉ đạo và Hội đồng cấp tỉnh, thành lập Trung tâm Lưu trữ Lịch sử trực thuộc Sở Nội vụ; thành lập 01 Phòng chuyên môn thuộc Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường; 01 Hội đồng quản lý đối với Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường. Qua sắp xếp, tỉnh đã thực hiện giảm 33 phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp tỉnh và giảm 09 đơn vị[22] sự nghiệp công lập cấp huyện.

UBND tỉnh đã giao 1.883 biên chế công chức và 284 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ cho các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện, sở ngành tỉnh và giao tổng số 21.091 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm ngày 15/10/2021 là 1.746 người và số người làm việc là 19.399 người. Thực hiện tinh giản biên chế đối với 748 người[23].

4. Cải cách chế độ công vụ

Toàn tỉnh có 31 cơ quan, tổ chức hành chính và 595[24] đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định. Hiện nay, các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp làm cơ sở thực hiện tốt công tác cải cách, tinh gọn bộ máy và giảm biên chế.

UBND tỉnh đã thực hiện bổ nhiệm mới 19 lãnh đạo cấp sở, 82 lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và 73 lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện; thực hiện tuyển dụng 28 công chức, 412 viên chức, tuyển dụng đặc biệt đối với 36 công chức; tổ chức xét chuyển 37 cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên; bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 85 công chức, 16 viên chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương năm 2020; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 09 viên chức; công nhận kết quả kỳ khắc phục quy trình tuyển dụng 24 công chức, 15 viên chức đối với ứng viên tốt nghiệp theo Đề án ST150; tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên, cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 với 27 chỉ tiêu; phê duyệt kế hoạch tuyển dụng 1.471 viên chức sự nghiệp. Hiện nay, tỉnh đang tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2021 với 70 chỉ tiêu, khảo sát nhu cầu thăng hạng đối với viên chức từ hạng IV lên hạng III tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

---

[22]Hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao với Đài Truyền thanh cấp huyện.

[23] Trong đó có 27 công chức, 721 người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

[24] Còn lại Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp Sóc Trăng trực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh mới thành lập năm 2021, hiện đang xây dựng đề án vị trí việc làm.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025. Số lượt cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng đạt 100% so với Kế hoạch đề ra. Tỉnh đã cử 93 trường hợp dự tuyển sau đại học; đi học sau đại học: 34 trường hợp; Chuyên khoa cấp I: 50 trường hợp; Chuyên khoa cấp II: 04 trường hợp; sinh viên đào tạo theo địa chỉ sử dụng dự tuyển Bác sĩ nội trú 06 trường hợp; hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học 02 trường hợp.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã hướng dẫn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định mới; hướng dẫn xây dựng Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn xây dựng hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp; hướng dẫn thực hiện quy định về ký kết hợp đồng làm việc đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai quy định về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

**** Chất lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp xã***

Tính đến tháng 12/2021, tỉnh Sóc Trăng có 2.120 cán bộ, công chức cấp xã. Số lượng cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định là 1.071/1.096 người, tỉ lệ đạt 97,72%; số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định là 1.024/1.024 người, tỉ lệ đạt 100%.

5. Cải cách tài chính công

Toàn tỉnh có 283/283[25] đơn vị triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Trong năm có 29 đơn vị cấp tỉnh được thẩm định quy chế chi tiêu nội bộ.

Tỉnh có 530 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, huyện đã được giao quyền tự chủ về tài chính và lập phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Hiện nay có 29 đơn vị đã được thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ.

Trên địa bàn tỉnh có 02 đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP là Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường chất lượng.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử, phiên bản 2.0; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2021 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các

---

[25] 38/38 đơn vị cấp tỉnh, 136/136 đơn vị cấp huyện (bao gồm các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện) và 109/109 đơn vị cấp xã.

cơ quan nhà nước và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025.

Hiện nay, tỉnh đã xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến liên thông 3 cấp từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã; hoàn thành Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; triển khai hoàn tất hệ thống Một cửa điện tử cho 100% sở ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và đồng bộ, liên thông lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã đạt tỷ lệ 100%.

UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục dịch vụ công mức độ 4 áp dụng trên địa bàn tỉnh[26]. Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 là 279 TTHC và 1.007 TTHC được cung cấp ở mức độ 4. Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã đồng bộ trạng thái xử lý 1.363 TTHC và cung cấp, tích hợp 298 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4[27]; tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên nền tảng thanh toán trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia. Đối với các dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 còn lại tỉnh đang thực hiện tích hợp tiếp tục theo tiến độ của Văn phòng Chính phủ. Triển khai ứng dụng zalo để thực hiện tra cứu kết quả giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp thông tin chỉ đạo điều hành, thông tin về kinh tế - xã hội nhanh chóng, hiệu quả. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai ứng dụng quét mã QR code để truy cập tìm hiểu thông tin và thực hiện TTHC.

Năm 2021, tỉnh thực hiện kiểm tra trực tiếp hoạt động duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại 74/74 đơn vị và kiểm tra hồ sơ, báo cáo của 77/77 đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 10/3/2021, đạt tỷ lệ 100%.

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ[28], công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa được *"nhận lương, phụ cấp, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác (nếu có) tại cơ quan đã cử đến Bộ phận Một cửa"*. Tuy nhiên, Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ Tài chính[29] (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019 và thay thế Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính) không hướng dẫn về vấn đề này. Do đó, địa phương gặp khó khăn, lúng túng trong việc xác định căn cứ để tiếp tục chi phụ cấp cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

---

[26]Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 15/7/2021.

[27]Trong đó có 174 TTHC mức độ 3 và 124 TTHC mức độ 4.

[28] Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện TTHC.

[29] Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác CCHC.

- Việc quy định nội dung chi công tác theo dõi thi hành pháp luật được quy định tại nhiều văn bản khác; việc lập dự toán và cấp kinh phí còn hạn chế (đối với cấp huyện, cấp xã); kinh phí chủ yếu được cấp đối với một số hoạt động như công tác phí kiểm tra, điều tra, khảo sát, báo cáo… do đó, việc lập dự toán để được cấp kinh phí thực hiện công tác này còn gặp khó khăn.

IV. KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh Sóc Trăng kiến nghị Trung ương nội dung sau:

- Sớm hướng dẫn các địa phương thực hiện chế độ, chính sách, mức chi phụ cấp cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

- Đề nghị ban hành Thông tư hướng dẫn kinh phí công tác theo dõi thi hành pháp luật, đặc biệt hướng dẫn mức chi trong việc huy động cộng tác viên theo dõi thi hanh pháp luật.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng, báo cáo Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ);
- Sở Nội vụ;
- Email: VuCCHC@moha.gov.vn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Lâu

Phụ lục

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 24 /12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1.1.	Kế hoạch CCHC			142/KH-UBND ngày 24/12/2020
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	27	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	26	
1.2.	Kiểm tra CCHC			21/KH-UBND ngày 02/02/2021
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	38	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	38	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	57	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	23	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	5	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1.909	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2.	**Cải cách thể chế**			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	49	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	88	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	43	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	43	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	43	
3	**Cải cách thủ tục hành chính**			
2.6.	Thống kê TTHC		1.076	
2.6.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	536	
2.6.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	540	
2.6.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.841	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.435	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	270	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	136	
2.7.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
2.7.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.363	
2.7.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	298	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.8.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		136	
2.8.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	56	
2.8.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	37	
2.8.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
2.8.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
2.9.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.9.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	99,91%	
2.9.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	99,89%	
2.9.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	99,88%	
2.9.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp).	%	99,87%	
2.9.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp).	%	99,9%	
2.10.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
2.10.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.841	
2.10.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	1.286	
2.10.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	675	
4.	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
2.11.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.11.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	18	
2.11.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	1	
2.11.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	146	
2.11.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	596	
Trong đó	*Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh*	Cơ quan, đơn vị	6	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	100	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	488	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	14,28	
2.12.	Số liệu về biên chế công chức			
2.12.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.883	
2.12.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.746	
2.12.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	267	
2.12.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	27	
2.12.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,14	
2.13.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
2.13.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	21.091	
2.13.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	19.399	
2.13.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	721	
2.13.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,39	
3.	**Cải cách chế độ công vụ**			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
3.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	31	
3.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	595	
3.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
3.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	28	
3.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	36	
3.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	37	
3.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	412	
3.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
3.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
3.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	19	
3.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	82	
3.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	73	
3.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức *(cả về Đảng và chính quyền).*			
3.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	3	
3.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	22	
4.	**Cải cách tài chính công**			
4.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	1	
4.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	35	
4.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	30	
4.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	464	
4.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	0	
5.	**Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**			
5.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
5.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
5.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Hoàn thành = 2		
5.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		100	
5.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	251.411	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử *(Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)*.	%	67,6	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	11,3	
5.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
5.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	279	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	1.007	
5.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	4,8	
5.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	9,4	